

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2018/HSPT
Ngày 01/8/ 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Quang Nghĩa.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quý

Bà Bùi Kim Rết

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hà Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tổng
Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 99/2018/TLPT-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Phạm Thị L; do có kháng cáo bị cáo Phạm Thị L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 95/2018/HSST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Phạm Thị L sinh năm 1979. Nơi đăng ký HKTT: 179/20/3, đường 278, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: 58, đường 25, khu phố 4, thị xã D, tỉnh B. Nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: nữ. Tôn giáo: Thiên chúa. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm M, sinh năm 1955 và bà Vũ Thị Kim Th, sinh năm 1958. Bị cáo có chồng tên Dương Quốc V, sinh năm 1978 (ly hôn năm 2012) và đang sống chung như vợ chồng với Phùng Lê M, sinh năm 1976. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 05/9/2009, hủy bỏ Lệnh tạm giam cho bị cáo tại ngoại điều tra ngày 07/10/2009 và bị cáo bỏ trốn đến ngày 09/01/2018 thì bị tạm giữ, chuyển Lệnh tạm giam theo Lệnh số 517/LTG-VKS ngày 11/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được

tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 21/4/2009, Phạm Thị L được chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1982, ngụ tại D8/2, tổ 3, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thuê đến khách sạn Ngọc Yên ở gần nhà chị H để tắm trắng cho chị H. Trước khi tắm, chị H tháo 01 nhẫn vàng 18K, 01 dây chuyền vàng 18K trọng lượng 2,5 chỉ và 01 điện thoại di động LG bỏ vào túi quần treo trong nhà tắm. Lợi dụng trong lúc xối nước tắm cho chị H, L đã lén lấy cắp toàn bộ số nữ trang và chiếc điện thoại di động của chị H rồi giả vờ kêu đói bụng để đi mua mì tôm ăn và bỏ trốn luôn. Sau khi chiếm đoạt được số tài sản trên, L đem số nữ trang bán cho anh Đinh Thái H là chủ cửa hàng kinh doanh vàng bạc tại xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai được 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) mang đi trả nợ và tiêu xài hết, riêng chiếc điện thoại di động LG, L đem đi gán nợ với giá 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Vụ thứ hai: Vào khoảng 18 giờ ngày 30 phút ngày 29/6/2009, Phạm Thị L đến tắm trắng cho chị Nguyễn Thị Lệ D, sinh năm 1975, ngụ tại 30/49 khu phố 7, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì phát hiện chị D tháo 07 chiếc vòng Simen vàng 18K, trọng lượng 10,085 chỉ bỏ vào ngăn kéo tủ phòng khách nên giả vờ kêu chị D đi mua bông gòn về để thoa kem. Lợi dụng lúc chị D đi mua bông gòn, L đã lấy cắp 07 chiếc vòng Simen rồi thuê xe Taxi chở đến bán cho chị Huỳnh Ngọc Cẩm T, sinh năm 1976 là chủ cửa hàng kinh doanh vàng bạc “Kim Ngọc Phát” tại tổ 2, khu phố 5, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai được 12.300.000đ (mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) mang trả nợ tiêu xài hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03/9/2009, Phạm Thị L đến tắm trắng cho chị Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1981, ngụ tại G16, khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa. Trước khi thoa kem tắm trắng, chị M tháo 01 vòng đeo tay vàng 18K trọng lượng 1,5 chỉ, 01 nhẫn có hột đá vàng 18K trọng lượng 0,4 phân, 01 đôi bông tai gắn hột đá vàng 18K trọng lượng 0,4 phân và 01 điện thoại di động Nokia, theo chị M khai số tài sản có giá trị là 4.550.000đ (bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) và 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền mặt. Lợi dụng lúc L thoa kem lên mặt cho chị M, chị M nhắm mắt lại, L đã lén lấy cắp toàn bộ số tài sản trên của chị M rồi giả vờ đi vệ sinh bỏ trốn. Sau đó L đem số tài sản lấy trộm được đem bán cho chị Ân Thị Kim Dung, sinh năm 1971 là chủ cửa hàng kinh doanh vàng bạc “Kim Hồng” tại chợ T được 3.300.000đ (ba triệu ba trăm nghìn đồng), mang trả nợ và tiêu xài hết.

Đến ngày 05/9/2009, chị Vũ Thị Thu H đã phát hiện và bắt giữ L giao Công an phường Tân Hiệp lập hồ sơ chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, L đã khai nhận hành vi phạm tội như trên. Riêng chiếc điện thoại di động và số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) của chị Trần Thị Ngọc M thì L không thừa nhận đã trộm cắp.

Vật chứng vụ án: Không.

Tại kết luận định giá tài sản số 1906/TCKH-HĐĐG ngày 21/12/2009 của Hội đồng định giá tài sản đã kết luận:

- 01 sợi dây chuyền bằng vàng, trọng lượng 2,5 chỉ, loại vàng 18K trị giá 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

- 01 vòng đeo tay bằng vàng, trọng lượng 1,5 chỉ, loại vàng 18K trị giá 1.920.000đ (một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

- 01 nhẫn bằng vàng, trọng lượng 0,4 chỉ, loại vàng 18K trị giá 512.000đ (năm trăm mười hai nghìn đồng).

- 01 đôi bông bằng vàng, trọng lượng 0,5 chỉ, loại vàng 18K trị giá 640.000đ (sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

- 07 vòng simen bằng vàng, trọng lượng 10,085 chỉ, loại vàng 18K trị giá 12.908.800đ (mười hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn tám trăm đồng).

- 01 nhẫn bằng vàng, trọng lượng 0,5 chỉ, loại vàng 18K trị giá 640.000đ (sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

- 01 điện thoại di động LG, model KE970 trị giá 3.134.000đ (ba triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Tổng giá trị định giá là 22.954.800đ (hai mươi hai triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm đồng).

Ngày 26/02/2018, bị cáo có nộp 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền bồi thường, khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo Biên lai số 009656 ngày 26/02/2018.

Về dân sự:

- Chị Trần Thị Ngọc M có đơn rút yêu cầu bồi thường số tiền 3.072.000đ (ba triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng) nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Chị Vũ Thị Thu H yêu cầu bồi thường số tiền 7.949.000đ (bảy triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng) và chị Nguyễn Thị Lệ D yêu cầu bồi thường số tiền 12.908.800đ (mười hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn tám trăm đồng). Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho chị H và chị M số tiền trên.

Tại cáo trạng số 38/CT/VKS-HS ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và Quyết định sửa đổi bổ sung cáo trạng số 758/QĐ-VKSBH ngày 01/02/2018 đã truy tố Phạm Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 95/2018/HSST ngày 22/3/2018 Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa áp dụng Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” và xử phạt bị cáo **Phạm Thị L 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2018 nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 05/9/2009 đến ngày 07/10/2009.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Vũ Thị Thu H số tiền 7.949.000đ (bảy triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng) và chị Nguyễn Thị Lệ D số tiền 12.908.800đ (mười hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn tám trăm đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để đảm bảo thi hành án. (Theo Biên lai số 009656 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/4/2018, bị cáo Phạm Thị L có đơn kháng cáo xin giảm án và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án:

Án sơ thẩm xử bị cáo về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ đúng người, đúng tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự trị an tại địa phương, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, sau khi phạm tội bỏ trốn gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, cần phải được xử nghiêm để răn đe giáo dục. Tuy nhiên cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp và thỏa đáng, vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Về áp dụng điều luật: Cấp sơ thẩm đánh giá bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp 2.000.000đ tiền bồi thường, khắc phục hậu quả; Đây là các tình tiết giảm nhẹ, nhưng lại không áp dụng điểm b, p khoản 1 điều 46 BLHS – 1999 mà chỉ áp dụng điểm h khoản 1 điều 46 BLHS – 1999 là thiếu sót. Đề nghị sửa án sơ thẩm về áp dụng điều luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Trong thời gian từ ngày 21/4/2009 đến ngày 03/9/2009, bị cáo Phạm Thị L có hành vi lấy trộm tài sản của chị Vũ Thị Thu H, chị Nguyễn Thị Lệ D và chị Trần Thị Ngọc M. Tổng giá trị tài sản của 03 người được định giá là 22.954.800đ (hai mươi hai triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn, tám trăm đồng). Xét án sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Thị L về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS-1999 là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an xã hội. Bị cáo đã nhiều lần trộm cắp là tình tiết tăng nặng, nên việc xử phạt nghiêm bị cáo là cần thiết, nhằm mục đích giáo dục và phòng ngừa chung. Vụ việc xảy ra trước ngày 01/01/2018 án sơ thẩm đã áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo là đúng với hướng dẫn của nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xét cấp sơ thẩm nhận định bị cáo phạm tội lần đầu, ăn năn hối cải đã bồi thường được 2.000.000đ, nhưng không áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà vị đại diện Viện kiểm sát nêu ra là thiếu sót, nay cấp phúc thẩm xem xét thêm và bổ sung cho đầy đủ. Tại tòa hôm nay, bị cáo xin giảm mức án thấp nhất để sớm được trở về chăm sóc mẹ và các con còn nhỏ. Qua hồ sơ thể hiện bị cáo có mẹ mất sức lao động, 03 con còn nhỏ thiếu người chăm sóc (có xác nhận chính quyền địa phương). Sau khi án sơ thẩm tuyên, gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp tiền (ngày 28/5/2018 nộp 10.000.000đ và ngày 18/6/2018 nộp 7.000.000đ) bồi thường để khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại. Đây là những tình tiết mới, được tòa án cấp phúc thẩm xem xét và chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3] Về án phí: Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, Lệ phí Tòa án.

Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Như đã nhận định, xét chấp nhận lời đề nghị của Đại diện viện kiểm sát về bổ sung áp dụng điều luật.

[5] *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị L.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thị L** 07 (bảy) tháng 27 (hai bảy) ngày tù . Về tội: “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2018 nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 05/9/2009 đến ngày 07/10/2009.

3. Áp dụng khoản 5 điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo **Phạm Thị L** ngay sau khi tuyên án, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác (bị cáo có thời hạn phạt tù bằng thời hạn đã bị tạm giam).

4. Về án phí: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng chẵn, theo phiếu thu số 08556 ngày 28/5/2018 và phiếu thu số 08559 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

5. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai, VKS sơ thẩm
- TAND sơ thẩm;
- Công an cấp quận, huyện;
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền
- Bị cáo, đương sự trong vụ án;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Quang Nghĩa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Quý Bùi Kim Rết

Đinh Quang Nghĩa